

Bản án số: 85/2024/DS-ST

Ngày: 09 - 12 - 2024.

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Thanh Chiếu;

Bà Sơn Thị Vành Đa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị M; Cư trú tại: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị N; Cư trú tại: Số G, Khu V, Phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang - Theo Giấy ủy quyền ngày 22 tháng 10 năm 2024 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lương Thị C; Cư trú tại: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 6 năm 2024 của nguyên đơn bà Lê Thị M và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị N trình bày:

Vào ngày 01/12/2020 bà M cho bà C vay số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) lãi suất thoả thuận là mỗi tháng bà C phải đóng lãi cho bà M 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Thời điểm vay bà C có thể chấp cho bà M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 711731 tại thửa đất số 828, diện tích 1.298,0m², đất tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Khi vay các bên có làm tờ cam kết có chữ ký của bà C với nội dung khi nào bà C trả đủ số tiền vốn

160.000.000 đồng thì bà M sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C. Nếu trong vòng 03 tháng bà C không đóng lãi thì bà M được quyền sử dụng phần đất mà bà C đã thế chấp cho bà M và bà M có quyền sang tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C cho người khác mà không cần thông qua sự đồng ý của bà C. Sau khi vay bà C không đóng lãi cho bà M, đến ngày 12/3/2022 bà C trả cho bà M số tiền gốc là 51.000.000 đồng, số tiền còn lại là 109.000.000 đồng thì từ ngày 13/3/2022 đến nay bà C không trả tiền vốn và cũng không trả lãi suất như đã thỏa thuận, bà M có qua nhà bà C để yêu cầu trả tiền vay nhưng đến nay vẫn không trả dù bà C có điều kiện trả.

Bà Lê Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lương Thị C có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền vay gốc còn lại là 109.000.000 đồng.

Buộc bà C phải trả cho bà M lãi suất tính từ ngày vay tiền là ngày 01/12/2020 đến ngày 12/3/2022 làm tròn 15 tháng, với số tiền lãi suất tính được là 160.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 15 tháng = 39.840.000 đồng

Buộc bà C phải trả cho bà M lãi suất tính từ ngày 13/3/2022 đến ngày 03/6/2024 làm tròn 26 tháng, với số tiền lãi suất tính được là 109.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 26 tháng = 47.044.400 đồng.

Tổng số tiền tính đến thời điểm hiện tại tại bà C có nghĩa vụ trả cho bà M là 195.884.400 đồng. Bà M yêu cầu bà C phải trả tiền lãi suất tính từ sau khi khởi kiện là ngày 04/6/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 1,66%/tháng trên số tiền vay 109.000.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Lương Thị C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn bà Lương Thị C đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn bà Lương Thị C đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Lương Thị C.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, các bị đơn cư trú ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, theo quy định tại điểm a khoản 1

Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay. Trong quá trình vay bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền).

[4] Bị đơn vay tiền của nguyên đơn, nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án Biên nhận và Tờ cam kết của bị đơn vay tiền của nguyên đơn, Tòa án có thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn biết việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến gì việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[5] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn vay tiền của nguyên đơn 160.000.000 đồng có làm Biên nhận và Tờ cam kết cho nguyên đơn, từ khi vay đến nay bị đơn thanh toán tiền gốc là 51.000.000 đồng, số tiền còn lại là 109.000.000 đồng và tiền lãi chưa thanh toán cho nguyên đơn. Cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay là phù hợp quy định các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi suất. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay*" và tại thời điểm hai bên thỏa thuận tiền vay là ngày 01/12/2020 thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm, tức là không quá $(20\%/năm : 12 \text{ tháng}) = 1,66\%/tháng$. Mặc dù, theo thỏa thuận ban đầu giữa các bên thì lãi suất vay là 2,25%/tháng (3.600.000 đồng/tháng), nhưng theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi suất 1,66%/tháng, yêu cầu này là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

[7] Về thời gian tính lãi được tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi mà bị đơn còn thiếu nguyên đơn cụ thể là:

- Số tiền 160.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 15 tháng 11 ngày (từ ngày 01/12/2020 đến ngày 12/3/2022) = 40.813.867 đồng.

- Số tiền 109.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 32 tháng 26 ngày (ngày 13/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/12/2024) = 59.468.947 đồng. Tổng cộng số tiền lãi là: 100.282.814 đồng (Một trăm triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, tám trăm mười bốn đồng).

[8] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 711731 ngày 22/10/2019 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Lương Thị Trúc H, phần chính lý đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Lương Thị C vào ngày 27/12/2019 khi vay bị đơn có giao cho nguyên đơn, nguyên

đơn thừa nhận hiện nay đang quản lý bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bị đơn. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bị đơn. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bị đơn.

[9] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.464.141 đồng (Mười triệu, bốn trăm sáu mươi bốn nghìn, một trăm bốn mươi một đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M về việc yêu cầu bị đơn bà Lương Thị C trả tiền vay. Buộc bị đơn bà Lương Thị C có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Lê Thị M số tiền vay gốc và lãi là: 209.282.814 đồng (Hai trăm lẻ chín triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, tám trăm mười bốn đồng). Trong đó: Số tiền gốc là: 109.000.000 đồng và lãi suất là: 100.282.814 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền gốc chậm thi hành án.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trả lại cho bị đơn bà Lương Thị C, 01 (Một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 711731 ngày 22/10/2019 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Lương Thị Trúc H, chính lý đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Lương Thị C ngày 27/12/2019.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.895.000 đồng (Bốn triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006513 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.464.141 đồng (Mười triệu, bốn trăm sáu mươi bốn nghìn, một trăm bốn mươi một đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh